



**TẠP CHÍ**

# **KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG**

**Central Vietnamese Review of Social Sciences**

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

# CVRSS

**Tap chí Khoa học xã hội miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

## **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Trần Minh Đức

## **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **BAN BIÊN TẬP**

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

# CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

## Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài ..... 3  
**Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú**
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam ..... 11  
**Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy**
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19  
**Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm**
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29  
**Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh**
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41  
**Đoàn Ngọc Phúc**
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam ..... 51  
**Bùi Minh Chuyên**
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61  
**Phan Thị Hoàn**
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71  
**Trương Thùy Hương**
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế ..... 80  
**Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh**
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng ..... 93  
**Phạm Quang Tín**
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104  
**Lê Công Hường**
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114  
**Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn**
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127  
**Võ Hữu Hòa**
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137  
**Võ Văn Dũng**
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu ..... 144  
**Phan Thúy Hằng**

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 12/2024.

# CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17<sup>th</sup> Year

## **Contents**

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement .....**3**  
***Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu***
  2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**  
***Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy***
  3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**  
***Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom***
  4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation .....**29**  
***Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh***
  5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**  
***Doan Ngoc Phuc***
  6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises .....**51**  
***Bui Minh Chuyen***
  7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises .....**61**  
***Phan Thi Hoan***
  8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**  
***Truong Thuy Huong***
  9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**  
***Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh***
  10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**  
***Pham Quang Tin***
  11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province. ....**104**  
***Le Cong Huong***
  12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**  
***Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan***
  13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**  
***Vo Huu Hoa***
  14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**  
***Vo Van Dung***
  15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**  
***Phan Thuy Hang***
-

## Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN

Đoàn Ngọc Phúc

Trường Đại học Tài chính - Marketing

Email: doanphuc@ufm.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế nhằm xem xét khả năng thích ứng với đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN trong giai đoạn 2007-2022 với nguồn dữ liệu thu thập từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (WB), WDI và WGI. Sử dụng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS) với dữ liệu bảng, kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng tích lũy vốn, tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại và đô thị hóa tác động tích cực đến tăng trưởng trong khi vốn con người, chất lượng thể chế, đổi mới công nghệ tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia ASEAN. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra hàm ý rằng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các quốc gia ASEAN cần xây dựng và thực hiện các thể chế có chất lượng, tạo khả năng thích ứng hơn nữa giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế để thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo và tiến bộ công nghệ nhằm tạo ra những động lực mới cho tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN.

Từ khóa: ASEAN, chất lượng thể chế, đổi mới công nghệ, tăng trưởng kinh tế.

### The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries

**Abstract:** This study aims to assess the interaction effect between technological innovation and institutional quality to examine their adaptability and effect on economic growth in ASEAN countries during the period 2007-2022. The data sourced from the World Bank (WB), WDI, and WGI. Using the feasible generalized least squares (FGLS) estimation method with panel data, the results show that capital accumulation growth, the interaction between technological innovation and institutional quality, foreign direct investment, trade openness and urbanization have a positive impact on growth. In contrast, human capital, institutional quality, and technological innovation negatively affect economic growth in ASEAN countries. Based on the findings, the article suggests that in order to promote economic growth, ASEAN countries should build and implement quality institutions, enhancing the adaptability between technological innovation and institutional quality to advance innovation and technological progress, thereby generating new drivers for economic growth in the region.

**Keywords:** ASEAN, institutional quality, technological innovation, economic growth.

**Ngày nhận bài:** 13/10/2024; **Ngày phản biện:** 21/10/2024; **Ngày duyệt đăng:** 22/11/2024

### 1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế là một trong những chỉ số quan trọng nhất của nền kinh tế không chỉ được quyết định bởi các yếu tố kinh tế mà còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố thể chế. Các nước ASEAN đã đạt được tăng trưởng kinh tế đáng kể trong những thập kỷ qua và dự báo sẽ trở thành khu vực kinh tế lớn thứ 4 thế giới vào năm 2030. Với bối cảnh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng hứa hẹn mang lại những cơ hội mới cho khu vực, trong đó công nghệ kỹ thuật số và phát triển bền vững đang nổi lên như những động lực mới cho tăng trưởng tương lai của các nước ASEAN.

Báo cáo chỉ số đổi mới toàn cầu hàng năm luôn nhấn mạnh sự phát triển của khu vực ASEAN như một trung tâm tiềm năng cho sự sáng tạo, khởi nghiệp và tiến bộ công nghệ. Tuy nhiên, các nước ASEAN cũng đang đối mặt với những thách thức liên quan đến đổi mới, phát triển công nghệ và cải thiện chất lượng thể chế, đặc biệt là khả năng thích ứng của đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững dựa trên động lực đổi mới công nghệ và cải cách thể chế, nghiên cứu ảnh hưởng tương tác của đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN có ý nghĩa quan trọng đối với việc đề xuất các hàm ý chính sách góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và cải thiện chất lượng thể chế để tạo khả năng thích ứng của đổi mới công nghệ và thể chế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các nước ASEAN.

Đóng góp mới của của nghiên cứu này là khám phá động lực tăng trưởng kinh tế từ góc độ xem xét ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế nhằm đánh giá khả năng thích ứng đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đối với tăng trưởng kinh tế, góp phần làm phong phú thêm các tài liệu thực nghiệm về khả năng thích ứng công nghệ và thể chế đối với tăng trưởng kinh tế. bằng cách khám phá các tác động tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế ở các nước ASEAN.

Bố cục của nghiên cứu này bao gồm các phần: phần 1 giới thiệu vấn đề nghiên cứu; phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu; phần 3 mô tả nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu; phần 4 trình bày kết quả nghiên cứu và thảo luận; phần 5 đưa ra kết luận và hàm ý dựa trên kết quả nghiên cứu.

## **2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

Nhiều lý thuyết khác nhau giải thích mối quan hệ giữa đổi mới công nghệ và tăng trưởng kinh tế. Lý thuyết cổ điển cho rằng các nước đang phát triển sẽ được hưởng lợi từ việc chuyển giao công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển thông qua mở cửa thương mại. Công nghệ tiên tiến được sử dụng trong các quy trình sản xuất sẽ tạo ra nhiều sản lượng hơn, phản ánh trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, lý thuyết tân cổ điển coi sự thay đổi công nghệ là ngoại sinh mặc dù thừa nhận rằng đổi mới công nghệ là quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã cung cấp một khuôn khổ thích hợp để xem xét vai trò của thay đổi công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế. Lucas (1988) nhấn mạnh vai trò công nghệ như là đầu vào của sản xuất trong công trình tiên phong của ông. Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, tiến bộ công nghệ và đổi mới công nghệ sẽ thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại đều cho rằng cơ chế tác động của đổi mới công nghệ đến tăng trưởng kinh tế là do cạnh tranh và phụ thuộc lẫn nhau trong sản xuất giữa các doanh nghiệp trong một nền kinh tế sẽ tạo ra tăng trưởng năng suất trong doanh nghiệp và lan tỏa đến toàn bộ nền kinh tế. Lý thuyết tăng trưởng tiến hóa cho rằng, tăng trưởng kinh tế dài hạn của một nền kinh tế phụ thuộc vào sự hội tụ của rất nhiều yếu tố, trong đó đổi mới công nghệ của quốc gia đóng một vai trò đáng kể (Nelson & Winter, 1982).

Kinh tế học thể chế nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các thể chế đối với tăng trưởng kinh tế. Các nhà kinh tế học thể chế cho rằng quy mô kinh tế hoặc tích lũy vốn không phải là nguyên nhân chủ yếu của tăng trưởng mà các thể chế chính trị và kinh tế mới là nguyên nhân chủ yếu tạo sự khác biệt đối với tăng trưởng kinh tế. Các thể chế ảnh hưởng đến đầu tư vào vốn vật chất và vốn con người cũng như tổ chức sản xuất (North, 1990). Để đạt được mức sản lượng cao trên mỗi lao động, cần phải cung cấp một môi trường hỗ trợ các hoạt động sản xuất, khuyến khích tích lũy vốn, hình thành kỹ năng và chuyển giao công nghệ. North (1990) còn cho rằng, các thể chế kinh tế hiệu quả làm

giảm chi phí giao dịch bằng cách giảm sự không chắc chắn về chất lượng sản phẩm trên thị trường, giảm rủi ro tịch thu và tăng cường thực thi các hợp đồng. Theo các nhà kinh tế học thể chế, các thể chế dẫn đến những thay đổi trong việc phân bổ lại các yếu tố sản xuất, cơ cấu đầu tư, chuyển đổi sản xuất, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Destek & cộng sự, 2023).

## **2.2. Tổng quan nghiên cứu**

North (1990) đã nêu rằng thể chế bao gồm các thể chế chính thức như dân chủ và luật pháp và các thể chế phi chính thức như đạo đức và phong tục. Tác giả tin rằng các thể chế tốt bảo vệ quyền sở hữu tài sản tốt hơn, ít tạo ra sự bóp méo giá cả hơn và cho phép các chính phủ tăng đầu tư vào vốn con người, dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh hơn và mức thu nhập cao hơn. Dollar & Kraay (2003) nhận thấy rằng thể chế quyết định tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Nghiên cứu của Acemoglu & Robinson (2010) đã phân tích vai trò của các thể chế kinh tế đối với tăng trưởng. Các tác giả cho rằng, các thể chế kinh tế là một yếu tố rất quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế vì chúng ảnh hưởng đến đầu tư vào cả vốn vật chất và vốn con người. Abu-Ismael & Ishak (2021) đưa bằng chứng cho thấy các thể chế đã cải thiện sự phát triển kinh tế đối với các nước phát triển và đang phát triển trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 1996 đến năm 2017. Acquah & cộng sự (2023), sử dụng phương pháp điểm khuynh hướng tổng quát và các mô hình kinh tế lượng cho 80 quốc gia từ năm 1980 đến năm 2015, nhận thấy rằng các thể chế rất quan trọng, đặc biệt là ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Hussien (2023), sử dụng mô hình dữ liệu bảng cho 31 quốc gia Châu Phi cận Sahara từ năm 1991 đến năm 2015, nhận thấy rằng các thể chế dân chủ và quản lý thúc đẩy đầu tư có tác động đáng kể và tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Misi Lopes & cộng sự (2023), Teklie & Yağmur (2024) sử dụng phương pháp phân tích thành phần chính để xây dựng chỉ số tổng hợp về thể chế dựa trên sáu chỉ số của Ngân hàng thế giới và tìm thấy tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Nghiên cứu Liko (2024), đã chứng minh sự tồn tại của mối quan hệ tích cực và đáng kể giữa các thể chế và tăng trưởng kinh tế với mẫu gồm tám quốc gia Balkan trong giai đoạn 2000–2022.

Ảnh hưởng của đổi mới công nghệ đến tăng trưởng kinh tế đã được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong những năm gần đây. Acemoglu (2009) phát hiện thấy rằng, tăng trưởng kinh tế dài hạn có thể đạt được nhờ tiến bộ kỹ thuật và năng suất lao động. Đổi mới công nghệ được xem là yếu tố quyết định đối với tăng trưởng kinh tế (Hasan & Tucci, 2010). Chernyshev (2018), cho rằng đổi mới công nghệ có ý nghĩa rất quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Zayas-Márquez & Ávila-López (2022) phát hiện mối quan hệ nhân quả giữa đổi mới công nghệ và tăng trưởng kinh tế dài hạn ở Chile và Mexico trong giai đoạn 1996-2015. Nghiên cứu của Jammeh (2022) đổi mới công nghệ có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các nước Tây Phi (ECOWAS) trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2020. Trong khi Alp & cộng sự (2020) không tìm thấy ảnh hưởng của đổi mới công nghệ đến tăng trưởng kinh tế ở 20 quốc gia phát triển và đang phát triển trong giai đoạn từ 2000 đến 2016. Nghiên cứu của Hardi & cộng sự (2024) sử dụng 21 chỉ số từ bộ chỉ số đổi mới toàn cầu (GII) đánh giá tác động của đổi mới đến tăng trưởng kinh tế ở năm quốc gia Đông Nam Á bao gồm Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia và Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy đổi mới cản trở hơn là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở những quốc gia này.

Các nghiên cứu ở các nước ASEAN chỉ xem xét ảnh hưởng của đổi mới công nghệ hoặc chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở ASEAN mà chưa xem xét tác động tương tác giữa đổi mới công nghệ và thể chế. Do vậy, để lấp đầy khoảng trống này, nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng tương tác của đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế để

xem xét khả năng thích ứng đổi mới công nghệ và thể chế đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN là mục tiêu mong muốn hướng đến của nghiên cứu này.

### 3. Nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Nguồn dữ liệu

Mục tiêu của nghiên cứu này là xem xét ảnh hưởng tương tác của đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của 10 nước ASEAN bao gồm: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Lào, Brunei, Campuchia, Myanmar, Philippines, Indonesia và Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2022, từ nguồn cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (World Bank Database), WGI (Worldwide Governance Indicators), WDI (World Development Indicators).

#### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng các kỹ thuật ước lượng dữ liệu bảng bằng 3 phương pháp: Pooled OLS, ảnh hưởng cố định (FEM) và ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM). Tiếp theo, nghiên cứu sử dụng các kiểm định F, kiểm định LM (Lagrangian Multiplier) và kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp nhất. Sau khi lựa chọn mô hình tối ưu, nghiên cứu hiện nay tiến hành kiểm định các hiện tượng phương sai thay đổi, đa cộng tuyến, tương quan chuỗi và khắc phục các hiện tượng này bằng phương pháp FGLS.

Dựa vào cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu của Dollar & Kraay (2003, Jammeh (2022), Zayas-Márquez & Ávila-López (2022), Liko (2024), mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

$$GDP_{it} = \beta_0 + \beta_1 PC_{it} + \beta_2 HC_{it} + \beta_3 HTE_{it} + \beta_4 HTE_{it} * INS_{it} + \beta_5 INS_{it} + \beta_6 FDI_{it} + \beta_7 TO_{it} + \beta_8 URB_{it} + \varepsilon_{it}$$

Mô hình trên mô tả ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN.

**Bảng 1: Mô tả và đo lường các biến trong mô hình**

Ký hiệu	Tên biến	Cách đo lường	Nguồn
<b>Biến phụ thuộc</b>			
$GDP_{it}$	Tăng trưởng kinh tế của quốc gia $i$ ở năm $t$	Tăng trưởng GDP hàng năm (%)	Jammeh (2022), Misi Lopes & cộng sự (2023), Hardi & cộng sự (2024)
<b>Biến độc lập</b>			
$PC_{it}$	Vốn vật chất của quốc gia $i$ năm ở $t$	Tăng trưởng tích lũy vốn hàng năm (%)	Alp & cộng sự (2020), Jammeh (2022)
$HC_{it}$	Vốn con người của quốc gia $i$ ở năm $t$	% chi tiêu chính phủ cho giáo dục so với GDP	Jammeh (2022)
$HTE_{it}$	Đổi mới công nghệ của quốc gia $i$ ở năm $t$	Logarit tự nhiên của Tổng giá trị xuất khẩu công nghệ cao (tính bằng USD)	Jammeh (2022), Zayas-Márquez & Ávila-López (2022)
$INS_{it}$	Chất lượng thể chế của quốc gia $i$ ở năm $t$ .	Sử dụng phương pháp PCA để xác định biến INS dựa trên 6 chỉ số của WB (ổn định chính trị, tiếng nói và trách nhiệm giải trình, hiệu quả của chính phủ, chất lượng các quy định, nhà nước pháp quyền và kiểm soát tham nhũng). Các chỉ số trên có giá trị từ -2,5 đến 2,5.	Jammeh (2022), Teklie & Yağmur (2024), Misi Lopes & cộng sự (2023), Liko (2024)

Ký hiệu	Tên biến	Cách đo lường	Nguồn
<b>Biến kiểm soát</b>			
FDI <sub>it</sub>	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của quốc gia i ở năm t	Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng/GDP (%)	Dollar & Kraay (2003) Jammeh (2022), Zayas-Márquez & Ávila-López (2022)
TO <sub>it</sub>	Độ mở thương mại của quốc gia i năm t	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (% GDP)	Dollar & Kraay (2003), Liko (2024)
URB <sub>it</sub>	Đô thị hóa của quốc gia i ở năm t	Tỷ lệ % dân số thành thị so với tổng dân số	Nguyen & Nguyen (2018)

*Nguồn: Tác giả tổng hợp.*

#### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

##### 4.1. Thống kê mô tả

Thống kê mô tả các biến nghiên cứu được trình bày trong bảng dưới đây như sau:

**Bảng 2: Thống kê mô tả các biến**

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
GDP	160	4,475564	3,908787	-12,02	14,52
PC	160	8,08978	18,39084	-137,6351	73,04876
HC	160	3,057946	1,047124	0,85032	5,97418
HTE	160	3,41e+10	4,51e+10	58189	1,92e+11
INS	160	-0,3558353	2,025084	-4,208113	4,247782
FDI	160	6,052006	6,573428	-1,752934	31,62074
TO	160	122,9671	87,08814	11,8554	437,3267
URB	160	51,44316	23,7271	19,413	100

*Nguồn: Tính toán của tác giả.*

Bảng 2 cho thấy, tăng trưởng GDP của các nước ASEAN có giá trị trung bình là 4,475564%, nhỏ nhất là -12,02%, lớn nhất là 14,52 % và độ lệch chuẩn là 3,908787%. Tăng trưởng vốn vật chất có giá trị trung bình là 8,08978%, nhỏ nhất là -137,6351%, lớn nhất là 73,04876%, độ lệch chuẩn là 18,39084%. Tỷ trọng chi tiêu chính phủ cho giáo dục so với GDP có giá trị trung bình là 3,057946%, nhỏ nhất là 0,85032%, lớn nhất là 5,97418, độ lệch chuẩn là 1,047124%. Tổng giá trị xuất khẩu công nghệ cao có giá trị trung bình là 34,1 tỷ USD, nhỏ nhất là 58189 USD, lớn nhất là 192 tỷ USD, độ lệch chuẩn là 45,1 tỷ USD. Chất lượng thể chế có giá trị trung bình là -0,3558353, nhỏ nhất là -4,208113, lớn nhất là 4,247782, độ lệch chuẩn là 2,025084. Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng/GDP có giá trị trung bình là 6,052006%, nhỏ nhất là -1,752934%, lớn nhất là 31,62074%, độ lệch chuẩn là 6,573428%. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu/GDP có giá trị trung bình là 122,9671%, nhỏ nhất là 11,8554%, lớn nhất là 437,3267%, độ lệch chuẩn là 87,08814%. Tỷ lệ tăng dân số thành thị có giá trị trung bình là 51,44316%, nhỏ nhất là 19,413%, lớn nhất là 100%, độ lệch chuẩn là 23,7271%.

**Bảng 3: Ma trận tương quan giữa các biến**

	GDP	PC	HC	HTE	INS	FDI	TO	URB
GDP	1,0000							
PC	0,1967	1,000						
HC	0,1472	0,0743	1,000					
HTE	-0,0130	0,0079	0,5657	1,000				
INS	-0,2671	0,0200	0,4936	0,7183	1,000			
FDI	0,2461	-0,0557	-0,2205	0,2517	0,4329	1,000		
TO	0,0299	0,0776	0,7687	0,8181	0,7777	0,1634	1,000	
URB	0,0670	0,1032	0,0132	-0,0020	0,1367	0,0199	0,2033	1,000

*Nguồn: Tính toán của tác giả.*

Bảng 3 cho thấy có sự tương quan âm giữa xuất khẩu công nghệ cao và chất lượng thể chế với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN, trong khi các biến vốn vật chất, vốn con người, đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại và đô thị hóa có tương quan dương với tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Hệ số tương quan cặp giữa các biến đều nhỏ hơn 0,8 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo giữa các biến nghiên cứu.

#### **4.2. Kết quả ước lượng**

Kết quả hồi quy được trình bày ở bảng sau:

**Bảng 4: Kết quả hồi quy**

Tên biến	Pooled OLS	FEM	REM	FGLS
PC	0,4891233*** 0,008	0,000291 0,703	0,0001198 0,895	0,0000169 0,071
HC	-0,7140891*** 0,000	-0,0155181 0,568	-0,0701412** 0,016	-0,045332** 0,035
HTE	-0,003767 0,892	-0,0879328*** 0,000	-0,0272002** 0,047	-0,0034558 0,080
LnHTE*INS	0,0189585** 0,024	0,0059763 0,229	0,0126138*** 0,007	0,0161417*** 0,000
INS	-0,2100146 0,369	-0,031953 0,748	-0,3881309*** 0,000	-0,4442825*** 0,000
FDI	0,0092085*** 0,009	0,0178212*** 0,004	0,0133281** 0,029	0,0038054* 0,057
TO	0,0019292** 0,020	0,0004137** 0,047	0,0012927* 0,076	0,001289** 0,041
URB	0,0047142 0,699	0,061707*** 0,000	0,0469499*** 0,000	0,0415285*** (0,000)
Hằng số	7,450345 0,000	3,379376*** 0,000	5,828784*** 0,000	6,184867*** (0,000)
Kiểm định F		F(9, 142) = 39,13*** (0,000)		
Kiểm định LM	Chi2(01) = 167,63*** 0,0000			
Kiểm định Hausman			Chi2(8) = 68,91*** (0,000)	
Kiểm định Wald				Chi2(8) = 1123,80*** 0,0000

*Nguồn: Tính toán của tác giả.*

Bảng trên cho thấy giá trị Prob của kiểm định LM (Lagrangian Multiplier) là  $0,000 < 0,05$  nên mô hình REM phù hợp hơn pooled OLS. Kết quả kiểm định F có Prob =  $0,000 < 0,05$  cho thấy mô hình FEM phù hợp hơn so với Pooled OLS. Kiểm định Hausman cho thấy  $\chi^2$  có Prob =  $0,000 < 0,05$  nên mô hình FEM là phù hợp hơn so với mô hình REM. Như vậy, kết quả các kiểm định cho thấy mô hình FEM là phù hợp nhất. Tiếp theo, nghiên cứu này tiến hành kiểm tra các hiện tượng đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tự tương quan của mô hình FEM.

**Bảng 5: Kết quả kiểm định các khuyết tật của mô hình FEM**

Kiểm định	Tiêu chí	Kết luận
Đa cộng tuyến	Mean VIF = 4,53 < 10	Không có hiện tượng đa cộng tuyến
Phương sai thay đổi	Prob > chi2 = 0,0000	Có hiện tượng phương sai thay đổi
Tự tương quan	Prob > F = 0,0000	Có hiện tượng tự tương quan

*Nguồn: Tính toán của tác giả.*

Kết quả kiểm định cho thấy, mô hình hồi quy FEM không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến nhưng xảy ra hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan. Để khắc phục các hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan, nghiên cứu này sử dụng phương pháp FGLS (Bảng 4).

### 4.3. Phân tích kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tăng trưởng tích lũy vốn có tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng kinh tế ở mức ý nghĩa 10%. Tăng trưởng tích lũy vốn thể hiện mức tăng trưởng trong các khoản đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất của một quốc gia, làm tăng giá trị sản xuất trong nước từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, tích lũy vốn tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế còn cho thấy việc sử dụng vốn có hiệu quả đã làm tăng năng suất biên của vốn. Kết quả nghiên cứu này giống với kết luận từ kết quả nghiên cứu của Jammeh (2022).

Vốn con người có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN ở mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực ở các nước ASEAN còn thấp đã ảnh hưởng đến việc cải thiện năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế gây ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN. Nhiều nước ASEAN có trình độ phát triển thấp, quy mô dân số đông, cơ cấu dân số trẻ nhưng tình trạng thiếu việc làm của lực lượng lao động đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu này ngược với kết quả của Jammeh (2022), Liko (2024).

Xuất khẩu công nghệ cao có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN ở mức ý nghĩa 10%. Kết quả nghiên cứu này đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Jammeh (2022) nhưng khác với kết quả nghiên cứu của Alp & cộng sự (2020). Các quốc gia ASEAN đang chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu tài nguyên và hàng hóa thâm dụng lao động sang xuất khẩu những hàng hóa công nghệ nhưng chất lượng nguồn nhân lực còn thấp như đề cập ở trên nên việc đầu tư nhiều hơn vào hàng hóa công nghệ chưa mang lại hiệu quả và chưa tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế.

Thể chế tác động ngược chiều có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng kinh tế ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả nghiên cứu này không đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Jammeh (2022), Misi Lopes & cộng sự (2023), Liko (2024), Teklie & Yağmur (2024), Thể chế tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế hàm ý rằng chất lượng thể chế ở các nước ASEAN còn thấp, chưa tạo được môi trường hỗ trợ các hoạt động sản xuất, khuyến khích tích lũy vốn, chuyển giao công nghệ nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực mang lại tăng trưởng kinh tế cho các nước ASEAN. Kết quả nghiên cứu này nhất quán với kết quả nghiên cứu của

Nghiên cứu này cũng phát hiện thú vị thấy rằng, có mối quan hệ cùng chiều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% giữa tương tác của đổi mới công nghệ và chất lượng thể

chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Các quốc gia có xuất khẩu công nghệ cao hơn và có chất lượng thể chế tốt hơn đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao hơn, nghĩa là chất lượng thể chế thích ứng với đổi mới công nghệ sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chất lượng thể chế tốt hơn sẽ tạo được môi trường tốt hơn để hỗ trợ các hoạt động sản xuất, khuyến khích tích lũy vốn, hình thành kỹ năng, chuyển giao công nghệ và khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực để mang lại tăng trưởng kinh tế cao hơn cho các nước ASEAN. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Jammeh (2022).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có mối quan hệ cùng chiều giữa với tăng trưởng kinh tế ở mức ý nghĩa thống kê 10%. Kết quả của nghiên cứu này cũng được thể hiện trong các nghiên cứu trước đó như nghiên cứu của Jammeh (2022), Liko (2024). ASEAN là khu vực kinh tế năng động và các nước ASEAN có nhiều chính sách ưu đãi trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nên sự gia tăng dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn, đồng thời tạo sự lan tỏa tri thức quốc tế, tác động tích cực đến quá trình chuyển giao công nghệ làm tăng năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các nước ASEAN.

Độ mở thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở mức ý nghĩa 5%. Điều này giải thích rằng, thương mại quốc tế giúp cho các nền kinh tế ASEAN thu được nhiều lợi ích thông qua việc phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả hơn từ chuyên môn hóa sản xuất, đồng thời thương mại cho phép các quốc gia ASEAN tiếp cận công nghệ hiện đại, khai thác lợi thế so sánh, thúc đẩy cải tiến công nghệ và khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp sạch. Mặt khác, thông quan thương mại quốc tế có thể nhập khẩu máy móc thiết bị, và các loại hàng hóa trung gian, hình thành vốn vật chất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu này nhất quán với kết quả nghiên cứu của Liko (2024).

Kết quả nghiên cứu còn tìm thấy tác động tích cực có ý nghĩa thống kê của đô thị hóa đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN ở mức ý nghĩa 1%. Nhiều nước ASEAN có tốc độ đô thị hóa nhanh phản ánh quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, gia tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm. Ngoài ra, đô thị hóa tác động đến tăng trưởng kinh tế còn được thúc đẩy bởi tăng năng suất và hiệu ứng quần tụ thông qua việc nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng vốn, đất đai, lao động và các nguồn lực khác. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyen & Nguyen (2018).

### **5. Kết luận và hàm ý**

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế nhằm xem xét khả năng thích ứng với đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN trong giai đoạn 2007-2022 với nguồn dữ liệu thu thập từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (WB), WDI, WIPO. Sử dụng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS) với dữ liệu bảng, kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng tích lũy vốn, tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại và đô thị hóa tác động tích cực đến tăng trưởng trong khi vốn con người, đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia ASEAN trong giai đoạn nghiên cứu.

Từ kết quả nghiên cứu trên, để tạo khả năng thích ứng hơn nữa giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia ASEAN, bài viết gợi mở một số hàm ý chính sách sau:

*Thứ nhất*, cần tăng cường sử dụng hiệu quả vốn vật chất, nâng cao chất lượng vốn con người, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy tự do hóa thương mại và phát huy lợi thế so sánh trong

thương mại quốc tế, gắn với chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu thương mại theo hướng tiết kiệm đầu vào và giảm chi phí sản xuất, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có tính cạnh tranh cao.

*Thứ hai*, các nước ASEAN nên tập trung nhiều hơn vào việc xây dựng và thực hiện các thể chế có chất lượng nhằm tạo môi trường hỗ trợ các hoạt động sản xuất, khuyến khích tích lũy vốn, chuyển giao công nghệ, tạo khả năng thích ứng hơn nữa giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế để thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới và tiến bộ công nghệ, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

*Thứ ba*, cần khai thác tối đa lợi ích kinh tế từ quá trình đô thị hóa, phát huy vai trò động lực của các đô thị thông qua hiệu ứng quần tụ để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế như vốn, đất đai, lao động và các nguồn lực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững cho các nước ASEAN.

Mặc dù nghiên cứu cho thấy có tác động tích cực giữa tương tác của đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN .... Tuy nhiên, để hỗ trợ thêm bằng chứng về ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế nhằm đánh giá khả năng thích ứng đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đối với tăng trưởng kinh tế cần thực hiện nghiên cứu cho từng nước ASEAN hoặc mở rộng sang khu vực khác và so sánh với kết quả của nghiên cứu này.

### **Tài liệu tham khảo**

Abu-Ismael, K., & Ishak, P. W. (2021). *Institutions and human development: A panel granger causality analysis*. Lebanon: United Nations House

Acemoglu, D. (2009). *Introduction to Modern Economic Growth*. New York: Princeton University Press.

Acemoglu, D., & Robinson, J. (2010). The role of institutions in growth and development. *Review of Economics and Institutions*, 1(2), 1-33.

Acquah, E., Carbonari, L., Farcomeni, A., & Trovato, G. (2023). Institutions and economic development: new measurements and evidence. *Empirical Economics*, 65(4), 1-36.

Alp, E., Seven, U., & Coşkun, Y. (2020). Technological innovation capacity and economic growth nexus. Sarıdoğan, E., Güloğlu, B., & Hannum, H. (Eds), *The Effects of Technological Innovations on Competitiveness and Economic Growth*. 25-40. Istanbul: Istanbul University Press.

Chernyshev, N. (2018). *On the factors of innovation and economic growth* (PhD Thesis, University of St Andrews, Scotland). Truy xuất tại <https://research-repository.st-andrews.ac.uk>, ngày 10/9/2024.

Destek, M.A., Adedoyin, F., Bekun, F.V., & S Aydin, S. (2023). Converting a resource curse into a resource blessing: The function of institutional quality with different dimensions. *Resources Policy*, 80(C).

Dollar, D., & Kraay, A. (2003). Institutions, trade and growth. *Journal of Monetary Economics*, 50, (1), 133-162.

Hardi, I., Ray, S., Attari, M.U., Ali, N., & Idroes, G. M. (2024). Innovation and Economic Growth in the Top Five Southeast Asian Economies: A Decomposition Analysis. *Ekonomikalia Journal of Economics*, 2 (1), 1-14.

Hasan, I., & Tucci, C. L. (2010). The innovation-economic growth nexus: Global evidence. *Research Policy*, 39(10), 1264-1276.

Hussen, M.S. (2023). Institutional quality and economic growth in Sub-Saharan Africa: a panel data approach. *Journal of Economics and Development*, 25(4), 332-348.

Jammeh, I. Y. (2022). The Effect of Technological Innovation on Economic Growth: Evidence from ECOWAS Countries. *International Journal of Social Sciences Perspectives*, 11 (1), 1-10.

Liko, E. (2024). Institution quality and economic growth: evidence from developing countries. *Journal of Governance and Regulation*, 13(2), 395-402.

Lucas, R. E. (1988). On the mechanics of economic development. *Journal of Monetary Economics*, 22(1), 3-42.

Misi Lopes, L. E., Packham, N., & Walther, U. (2023). The effect of governance quality on future economic growth: An analysis and comparison of emerging market and developed economies. *SN Business & Economics*, 3 (108), 1-33.

Nelson, R. R., & Winter, S. G. (1982). *An Evolutionary Theory of Economic Change*. Cambridge: Harvard University Press.

Nguyen, H.M. & Nguyen, L.D. (2018), The relationship between urbanization and economic growth: An empirical study on ASEAN countries. *International Journal of Social Economics*, 45 (2), 316-339.

North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge: Cambridge University Press. <http://dx.doi.org/10.1017/CBO9780511808678>.

Teklie, D.K.; Yağmur, M.H (2024). The role of green innovation, renewable energy and institutional quality in promoting green growth: Evidence from African countries. *Sustainability*, 16, 61-66.